

## **Phần I**

### **MỞ ĐẦU**

Khu Bảo tồn thiên nhiên Mùòng La có diện tích 15.735,72 ha, nằm ở sườn Đông Nam của dãy Hoàng Liên Sơn, thuộc địa phận 3 xã Ngọc Chiến, Hua Trai và Nậm Pấm của huyện Mùòng La, tỉnh Sơn La. Đến tháng 7 năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La giao bổ sung nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng, đất lâm nghiệp và thực hiện chi trả môi trường rừng đối với 2.156,7 ha. Theo các kết quả điều tra khảo sát Khu bảo tồn thiên nhiên Mùòng La có hệ động thực vật phong phú, có tính đa dạng sinh học cao. Theo báo cáo Đề án xác lập Khu bảo tồn thiên nhiên Mùòng La năm 2015, về hệ thực vật: Đã thống kê được 622 loài thuộc 130 họ của 5 ngành thực vật bậc cao, trong đó có 27 loài thực vật quý hiếm. Đặc biệt một số loài có giá trị bảo tồn cao như: Pơ mu, Du sam, Thông đỏ, Lan kim tuyến... Hệ động vật: Đã thống kê được 323 loài thuộc 97 họ, 28 bộ của 4 lớp Thú, Chim, Bò Sát, Lưỡng cư. Đặc biệt có loài Niệc cổ hung, Vượn đen tuyền rất quý hiếm có giá trị bảo tồn cao đang bị đe dọa tuyệt chủng cao, hiện chỉ có ở Việt Nam và Trung Quốc.

Từ khi được thành lập và đi vào hoạt động đến nay công tác quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn và phát triển rừng của Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Mùòng La đạt được một số kết quả quan trọng: về công tác tổ chức bộ máy quản lý bảo vệ rừng hình thành được bộ máy quản lý của ban và các tổ đội quần chúng bảo vệ rừng, tuần rừng; đã tổ chức xây dựng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch bảo tồn và phát triển khu bảo tồn đến năm 2020, trình cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban quản lý theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, Luật Lâm nghiệp năm 2017; hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ cho công tác quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn và phát triển rừng bước đầu được đầu tư xây dựng một số hạng mục cơ bản; công tác quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn và phát triển rừng được nâng lên rõ rệt, số vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng giảm, tổ chức hỗ trợ các bản vùng đệm một số chương trình đầu tư trồng rừng, trồng cây ăn quả nhằm cải thiện sinh kế cho nhân dân sinh sống tại vùng đệm khu bảo tồn,... Những kết quả đạt được đã góp phần khẳng định vị trí, vai trò của Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Mùòng La trong công tác quản lý bảo vệ, bảo tồn và phát triển bền vững diện tích rừng được giao và chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

Tuy nhiên hiện nay trong quá trình đi vào hoạt động và triển khai các nhiệm vụ của khu bảo tồn thực tiễn đã phát sinh nhiều vấn đề đặt ra cho công tác quản lý bảo vệ, bảo tồn và phát triển bền vững rừng của Ban quản lý khu bảo tồn, trong đó đặc biệt theo quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2017, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Lâm nghiệp, quy định quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững của khu bảo tồn được phê duyệt đến năm 2020 theo Quyết định số 3255/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh Sơn La sẽ không còn hiệu lực đến hết

**Phương án Quản lý rừng bền vững Khu bảo tồn thiên nhiên Mùòng La giai đoạn 2021-2030**

năm 2020, do đó việc hoạch định, định hướng xác định mục tiêu, nhiệm vụ, xác định không gian bảo tồn, phát triển, đặc biệt xác định các chương, trình đầu tư và nghiên cứu đầu tư trong giai đoạn 2021-2030 không thực hiện được do thiếu cơ sở pháp lý về quy hoạch, kế hoạch đầu tư công được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Để tổ chức quản lý, hoạt động của Khu Bảo tồn thiên nhiên Mùòng La đảm bảo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý các khu rừng đặc dụng, đồng thời hoạch định rõ phân khu, các hoạt động bảo tồn và phát triển rừng Khu bảo tồn thiên nhiên Mùòng La trong thời gian tới. Thực hiện Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững và Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 11/3/2020 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt đề cương, nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Phương án Quản lý rừng bền vững Khu bảo tồn thiên nhiên Mùòng La giai đoạn 2021-2030. Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Mùòng La xây dựng “***Phương án Quản lý rừng bền vững Khu bảo tồn thiên nhiên Mùòng La giai đoạn 2021-2030***” (sau đây viết tắt là phương án) nhằm xác định mục tiêu, nhiệm vụ, các giải pháp, các chương trình đầu tư, nghiên cứu bảo tồn làm cơ sở để triển khai thực hiện giai đoạn 2021-2030 là rất cần thiết.

## **Chương I**

### **CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN**

#### **I. CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC**

##### **1. Văn bản quy phạm pháp luật của trung ương**

Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng;

Luật Đa dạng sinh học ngày 13/11/2008;

Luật Đất đai năm ngày 29/11/2013 ;

Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH 13 và các văn bản hướng dẫn;

Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch;

Nghị định 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đa dạng sinh học;

Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019 của Chính phủ sửa đổi Điều 7 Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ;

Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2013;

Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày ngày 14/02/2015 của Chính phủ về Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Nghị định 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

Nghị định số 156/2018 của ngày 16/11/2018 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Lâm nghiệp;

Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;

Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp;

**Phương án Quản lý rừng bền vững Khu bảo tồn thiên nhiên Mùòng La giai đoạn 2021-2030**

Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp;

Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng;

Thông tư Liên tịch số 15/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 26/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ hướng dẫn nhiệm vụ các Chi cục và các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Thông tư số 10/2014/TT-BNNPTNT ngày 26/3/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về xác định vùng đệm của khu rừng đặc dụng và vành đai bảo vệ khu rừng đặc dụng;

Thông tư số 145/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị Định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững;

Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về các biện pháp lâm sinh;

Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng;

Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;

Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng;

Quyết định số 487/QĐ-BNN ngày 26/2/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác điều tra quy hoạch rừng.

## **2. Văn bản của địa phương**

Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 16/07/2014 của HĐND tỉnh Sơn La khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Sơn La đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Nghị quyết số 92/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Sơn La về một số nhiệm vụ, giải pháp quản lý quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh;

Nghị quyết số 156/NQ-HĐND ngày 05/12/2019 của HĐND tỉnh về phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách địa phương 2020;

**Phương án Quản lý rừng bền vững Khu bảo tồn thiên nhiên Mùòng La giai đoạn 2021-2030**

Nghị quyết số 197/NQ-HĐND ngày 30/6/2020 của HĐND tỉnh Về kế hoạch chuẩn bị đầu tư các dự án dự kiến khởi công mới trong kế hoạch đầu tư công năm 2021;

Quyết định số 1529/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 của UBND tỉnh Sơn La về phê duyệt kết quả kiểm kê rừng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2013-2015;

Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 20/6/2019 của UBND tỉnh Sơn La quy định cơ cấu tổ chức của Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La;

Quyết định số 1248/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của UBND tỉnh Sơn La về Ban hành Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng;

Quyết định số 3255/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh Sơn La về Phê duyệt quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững của khu bảo tồn thiên nhiên Mùòng La đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của UBND tỉnh Sơn La về Phê duyệt kết quả rà soát, chuyển đổi đất, rừng phòng hộ đầu nguồn ít xung yếu sang quy hoạch phát triển rừng sản xuất gắn với điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng huyện Mùòng La đến 2025 và định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 3248/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc phê duyệt dự án rà soát, điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng giai đoạn 2017-2025 và định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao dự toán thu, chi ngân sách 2020;

Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao đất, giao rừng cho Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Mùòng La để quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên rừng và đa dạng sinh học tại các xã Hua Trai, Nậm Păm, Ngọc Chiến, huyện Mùòng La, tỉnh Sơn La;

Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 11/3/2020 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt đề cương, nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Phương án Quản lý rừng bền vững Khu bảo tồn thiên nhiên Mùòng La giai đoạn 2021-2030;

Văn bản số 2186/UBND-KT ngày 13/7/2020 của UBND tỉnh Sơn La về việc thực hiện quản lý rừng và đất lâm nghiệp, chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn huyện Mùòng La.

## **II. CAM KẾT QUỐC TẾ**

1. Công ước CITES (Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật thực vật hoang dã đang bị nguy cấp - Convention on International Trade in Endangered Species of Wild Fauna and Flora);

2. Công ước đa dạng sinh học (Convention on Biological Diversity - CBD).

### **III. TÀI LIỆU SỬ DỤNG**

#### **1. Tài liệu dự án, đề án, quyết định thành lập, giao nhiệm vụ cho chủ rừng**

- Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 30/6/2015 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt Đề án Xác lập khu bảo tồn thiên nhiên Mùòng La;

- Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 07/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc thành lập Ban Quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên Mùòng La;

- Quyết định số 57/QĐ-CCKL ngày 30/01/2019 của Chi cục Kiểm lâm về Việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn Ban quản lý rừng đặc dụng, khu Bảo tồn thiên nhiên thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Sơn La.

#### **2. Các tài liệu điều tra chuyên đề của khu rừng**

- Báo cáo chuyên đề về hiện trạng tài nguyên rừng; báo cáo điều tra về thực vật rừng; báo cáo điều tra hệ động vật rừng, năm 2014; Báo cáo Đề án xác lập Khu bảo tồn thiên nhiên Mùòng La, tỉnh Sơn La, năm 2015 (*Trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ - Trường Đại học Tây Bắc*);

- Điều tra động vật rừng của tổ chức FFI;

- Kế hoạch hành động Bảo tồn loài vượn đen tuyền ở vùng rừng Mùòng La dựa vào địa phương (*Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Mùòng La*).

#### **3. Quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh (Hồ sơ có kèm theo Bản đồ)**

- Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Sơn La đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

- Quy hoạch bảo tồn và phát triển rừng đặc dụng tỉnh đến năm 2020;

- Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững của Khu bảo tồn thiên nhiên Mùòng La đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

- Kết quả rà soát, chuyển đổi đất, rừng phòng hộ đầu nguồn ít xung yếu sang quy hoạch phát triển rừng sản xuất gắn với điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng huyện Mùòng La đến 2025 và định hướng đến năm 2030;

- Kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng giai đoạn 2017-2025 và định hướng đến năm 2030;

- Bản đồ kiểm kê rừng 2016;

- Bản đồ giao đất, giao rừng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, rừng cho Khu bảo tồn thiên nhiên Mùòng La năm 2019;

#### **4. Số liệu hiện trạng tài nguyên rừng, kế hoạch sử dụng đất của đơn vị**

- Kết quả kiểm kê rừng năm 2016;

- Kết quả theo dõi diễn biến rừng huyện Mùòng La năm 2019;

- Kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011-2015) của huyện Mùòng La.

## **Chương 2**

### **ĐẶC ĐIỂM HIỆN TRẠNG CỦA ĐƠN VỊ**

#### **I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Tên đơn vị (chủ rừng):** Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Mùòng La.

**2. Địa chỉ (trụ sở làm việc của chủ rừng):** xã Ngọc Chiến, huyện Mùòng La; tỉnh Sơn La.

**3. Điện thoại:** 0913.337.510

Email: lethuonganh@gmail.com

**4. Quyết định thành lập, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị chủ rừng:** Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 07/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc thành lập Ban Quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên Mùòng La. Chức năng, nhiệm vụ theo Quyết định số 57/QĐ-CCKL ngày 30/01/2019 của Chi cục Kiểm lâm về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn Ban quản lý rừng đặc dụng, khu Bảo tồn thiên nhiên thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Sơn La.

**5. Cơ cấu tổ chức của đơn vị:** Quyết định số 57/QĐ-CCKL ngày 30/01/2019 của Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh Sơn La.

Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Mùòng La được thành lập năm 2016, hiện nay Ban quản lý được giao 20 viên chức kiểm lâm, trong đó: Ban lãnh đạo gồm 03 đồng chí: Giám đốc và 02 phó giám đốc; các bộ phận chuyên môn gồm: phụ trách kỹ thuật, pháp chế, tổ chức hành chính và 03 trạm bảo vệ rừng. Về địa giới hành chính, hiện nay Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Mùòng La được nhà nước giao quản lý 15.735,72 ha trên địa bàn 03 xã: Hua Trai, Năm Păm và Ngọc Chiến huyện Mùòng La.

#### **6. Nhiệm vụ , quyền hạn của đơn vị**

6.1. Quản lý bảo vệ và bảo tồn các hệ sinh thái tự nhiên, các loài thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm; phục hồi tài nguyên và cảnh quan thiên nhiên trên diện tích được giao:

a. Bảo vệ, bảo tồn các hệ sinh thái tự nhiên. Bảo vệ bảo tồn phát triển bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên, sinh vật, nguồn nước và các nhân tố thiên nhiên khác; phòng cháy rừng, chữa cháy rừng; phòng trừ sâu bệnh hại và sinh vật ngoại lai xâm hại; ngăn chặn kịp thời các hành vi xâm hại rừng, môi trường cảnh quan;

b. Phục hồi các hệ sinh thái rừng tự nhiên, các loài động, thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng, bảo tồn tính đa dạng sinh học

c. Bảo tồn và tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa cảnh quan trong khu bảo tồn

6.2. Lập các báo cáo quy hoạch, các dự án đầu tư phát triển, bảo tồn trong phạm vi quản lý trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, công bố công khai quy hoạch và tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật.

6.3. Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế:

a. Xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề tài nghiên cứu khoa học về bảo vệ, bảo tồn, phát triển cộng đồng, thực vật rừng, đa dạng sinh học, đặc biệt là đối với các loài động thực vật quý hiếm, đặc hữu và nguy cấp. Tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt

b. Tổ chức các dịch vụ nghiên cứu khoa học, học tập tại khu bảo tồn

c. Suir tập, nuôi trồng thực nghiệm, bảo tồn nguồn gen các loài động vật, thực vật quý hiếm

d. Xây dựng chương trình, dự án hợp tác quốc tế về quản lý, bảo vệ bảo tồn phát triển tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học, tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

6.4. Tổ chức cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật rừng

a. Tiếp nhận các loài bản địa hoặc các loài phù hợp với sinh cảnh tự nhiên của khu rừng đặc dụng tái thả về môi trường sống tự nhiên của chúng sau khi được cứu hộ.

b. Nghiên cứu, duy trì giống gốc, cung cấp nguồn giống cho phát triển gây nuôi, thu nhập mẫu vật, nguồn gen sinh vật, lưu trữ, bảo tồn nguồn gen các loài nguy cấp, quý hiếm, đặc hữu, các loài có nguy cơ tuyệt chủng. Cung ứng nguồn giống sinh vật, dịch vụ thú y cho các tổ chức và cá nhân để gây nuôi phát triển bền vững theo quy định.

c. Tổ chức thực hiện công tác nghiên cứu khoa học theo các đề tài, dự án nghiên cứu, thực nghiệm khoa học kỹ thuật về cứu hộ, phát triển sinh vật và bảo tồn đa dạng sinh học được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d. Hợp tác quốc tế về cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật.

6.5. Sử dụng bền vững tài nguyên, hoạt động dịch vụ trong các Khu bảo tồn thiên nhiên

a. Khai thác, sử dụng bền vững, có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên trong Khu bảo tồn, đảm bảo chức năng bảo tồn, duy trì và phát triển sự đa dạng sinh học của rừng; bảo tồn và phát huy các giá trị cảnh quan, văn hóa, lịch sử và môi trường

b. Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các quy hoạch, dự án phát triển du lịch sinh thái và tổ chức thực hiện theo đúng quy định pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, bảo vệ môi trường, du lịch, di sản văn hóa và quy chế quản lý khu rừng đặc dụng.

c. Tự tổ chức hoặc liên doanh, liên kết hoặc cho các tổ chức, cá nhân khác thuê môi trường rừng tổ chức các hoạt động kinh doanh dịch vụ nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái; hướng dẫn, kiểm tra và giám sát các hoạt động kinh doanh du lịch sinh thái của các tổ chức, cá nhân theo hợp đồng đã ký kết.

d. Tổ chức, thực hiện các chính sách về dịch vụ môi trường theo quy định của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, dịch vụ nghiên cứu và áp dụng khoa học công nghệ, giá trị đa dạng sinh học cho các tổ chức, cá nhân sử dụng theo quy định của pháp luật.

6.6. Tổ chức xây dựng các chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội cho cộng đồng địa phương

a. Chủ động xây dựng các dự án, đề án phát triển kinh tế - xã hội và sinh kế cho cộng đồng dân cư sống trong vùng lõi và vùng đệm các Khu bảo tồn thiên nhiên; tổ chức các hoạt động thu hút cộng đồng tham gia quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, góp phần ổn định xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh, nâng cao đời sống của nhân dân vùng lõi và vùng đệm theo mục tiêu bảo tồn và phát triển bền vững.

b. Nghiên cứu xây dựng các mô hình lâm nghiệp trang trại, mô hình khuyến nông, lâm, ngư ở vùng đệm, mô hình làng du lịch, hướng dẫn chuyển giao kỹ thuật cho nhân dân trong vùng đệm.

6.7. Tuyên truyền, phổ biến giáo dục nâng cao nhận thức bảo tồn thiên nhiên cho cộng đồng dân cư, hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành các quy định của Pháp luật về quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên.

6.8. Lập trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, giám sát và thực hiện các dự án có liên quan đến quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học, môi trường, vườn thực vật, cây xanh, cây cảnh

6.9. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ rừng theo quy định tại điều 75 Luật Lâm nghiệp, thực hiện chế độ thống kê, báo cáo theo quy định, thực thi pháp luật theo quy định.

6.10. Phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng để thực hiện có hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; tham mưu đề xuất các giải pháp tăng cường các hoạt động quản lý bảo vệ và phát triển rừng.

6.11. Quản lý, tổ chức bộ máy, biên chế, tài chính, tài sản được giao theo quy định hiện hành của nhà nước.

6.12. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm giao theo quy định của Pháp luật.

## **II. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐỊA HÌNH, KHÍ HẬU, THỦY VĂN VÀ THỔ NHƯỠNG**

### **1. Vị trí địa lý, địa hình**

Khu bảo tồn thiên nhiên Mường La nằm trên địa phận 3 xã, gồm: Hua Trai, Nậm Păm, Ngọc Chiến, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Với diện tích tự nhiên 3 xã là 41.163,00 ha.

#### **1.1. Vị trí địa lý**

Tọa độ địa lý: - Từ 21°51'99" đến 21°67'94" vĩ độ Bắc.

- Từ 103°93'26" đến 104°33'84" kinh độ Đông.

Giáp ranh:

- Phía Bắc giáp huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái.
- Phía Nam giáp xã Pi Toong, Chiềng Muôn, Chiềng Ân huyện Mường La
- Phía Đông giáp huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.
- Phía Tây giáp xã Pi Toong, Mường Trai, Chiềng Lao, huyện Mường La.

## **1.2. Địa hình**

Khu Bảo tồn thiên nhiên Mường La nằm ở sườn Đông Nam của dãy Hoàng Liên Sơn, địa hình cao dốc, mức độ chia cắt mạnh, có nhiều đỉnh cao trên 1.000m dọc theo dãy núi Sam Sip, cao nhất là đỉnh Sam Sip với độ cao 1.924,0m. Địa hình bị chia cắt mạnh, tạo nên nhiều khe sâu và hẹp, nghiêng dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam. Độ dốc bình quân  $30^0$ , nhiều nơi độ dốc trên  $40^0$ , tạo nên một địa hình vô cùng hiểm trở, đi lại khó khăn. Ngoài ra trong khu vực còn rải rác một số khối núi đá vôi nhỏ, làm cho địa hình khu vực càng phức tạp hơn. Trong khu vực có 3 kiểu địa hình.

- Kiểu núi cao: có diện tích 6.054,23 ha, diện tích này nằm chủ yếu ở phần khu bảo vệ nghiêm ngặt, một phần nhỏ thuộc phân khu phục hồi sinh thái. Có địa hình núi cao, dốc, độ chia cắt sâu và phức tạp, đi lại khó khăn.

- Kiểu núi trung bình: có diện tích 7.923,04 ha, diện tích này nằm chủ yếu ở phân khu phục hồi sinh thái, một phần nhỏ thuộc phân khu bảo vệ nghiêm ngặt có địa hình cao, dốc, chia cắt khá phức tạp, đi lại tương đối khó khăn.

- Kiểu núi thấp có diện tích 3.915,15 ha diện tích này nằm chủ yếu phân khu phục hồi sinh thái có địa hình không cao, độ dốc tương đối thấp, ít bị chia cắt, phân bố chủ yếu ở các sườn, chân đồi núi.

## **2. Khí hậu**

Khu Bảo tồn thiên nhiên Mường La nằm trong vùng khí hậu ẩm nhiệt đới, mưa nhiều mang đặc trưng của khí hậu vùng Tây Bắc, chia làm 2 mùa rõ rệt. Mùa mưa khí hậu nóng và mưa nhiều từ tháng 5 đến tháng 9, mùa khô khí hậu thường khô và lạnh từ tháng 10 đến tháng 4 năm sau.

*Lượng mưa:* lượng mưa bình quân năm ở mức từ 1.400 – 1.500 mm, phân bố không đều. Mưa tập trung từ tháng 6 đến tháng 8, chiếm 70% tổng lượng mưa cả năm.

*Nhiệt độ:* Nhiệt độ trung bình năm  $22^0\text{C}$ . Nhiệt độ tối cao  $35^0\text{C}$  (tháng 6). Nhiệt độ tối thấp là  $5 - 10^0\text{C}$  (tháng 1).

*Ẩm độ:* ẩm độ không khí bình quân năm là 85%, ẩm độ không khí tối cao là 90%, ẩm độ không khí tối thấp là 75%.

*Chế độ gió:* Gió Đông Bắc thịnh hành từ tháng 10 năm trước đến tháng 2 năm sau, kéo theo thời tiết giá lạnh. Gió Tây Nam hoạt động từ tháng 3 đến tháng 5 thường khô hanh và nóng, dễ xảy ra cháy rừng.